

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1788/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24/5/2022

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Nguyệt

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng

2. Ông Chu Mạnh Tường

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ánh Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa:* ông Trần Đức Sơn.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 401/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2545/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà La Thanh U, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số xx, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Huỳnh Vĩnh B, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số xxx, phường H, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà La Thanh U trình bày: Bà và ông Huỳnh Vĩnh B tự nguyện kết hôn vào năm 2020, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi lập gia đình ông bà sống tự lập. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, từ đó cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc. Do mâu thuẫn trầm trọng nên ông bà đã sống ly thân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin được ly hôn với ông B.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Huỳnh Ngọc T, sinh ngày 13/12/2021. Sau khi ly hôn bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng người con chung và tự nguyện không yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai và tại các buổi hòa giải ông Huỳnh Vĩnh B trình bày: Ông xác nhận thời gian kết hôn đúng như bà U trình bày. Theo ông cuộc sống chung hạnh phúc bình thường đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Ông xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng cũng là lẽ thường trong cuộc sống, bản thân ông nhận thấy tình cảm vẫn còn, tuy nhiên nếu bà U cương quyết ly hôn thì ông đồng ý ly hôn nhưng vì đạo lý ông không ký biên bản đồng ý thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Huỳnh Ngọc T, sinh ngày 13/12/2021. Sau khi ly hôn ông đồng ý giao người con chung cho bà U trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn bà La Thanh U, bị đơn ông Huỳnh Vĩnh B có đơn xin vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp ly hôn” nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn cư trú tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà La Thanh U và ông Huỳnh Vĩnh B có đơn xin vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án, vì vậy căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Bà La Thanh U và ông Huỳnh Vĩnh B tự nguyện kết hôn và chung sống với nhau theo Trích lục kết hôn số 97/TLKH-BS ngày 10/02/2022 do

Ủy ban nhân dân Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, do đó hôn nhân của ông bà là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Về yêu cầu xin ly hôn của bà U, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà U cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã từ đó làm cho cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn. Ông B cho rằng cuộc sống chung có mâu thuẫn nhưng đó là bình thường, ông còn tình cảm nhưng nếu bà U cương quyết ly hôn thì ông đồng ý ly hôn và vì đạo lý nên ông không đồng ý thuận tình ly hôn. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng là có và hiện nay các bên vẫn còn mâu thuẫn, ông bà hiện vẫn sống ly thân, chứng tỏ ông bà không có khả năng giải quyết những mâu thuẫn phát sinh trong thực tế cuộc sống vợ chồng dẫn đến vợ chồng ly thân. Xét thấy ông bà đã ly thân với nhau từ năm 2021 cho đến nay, mâu thuẫn giữa các bên là không thể giải quyết, sự tin tưởng lẫn nhau trong cuộc sống vợ chồng cũng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ không mang lại hạnh phúc, bà U cương quyết không đoàn tụ với ông B vì tình cảm không còn, ông B xác định còn tình cảm nhưng cũng đồng ý ly hôn, vì vậy căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên chấp nhận yêu cầu của bà U về việc xin ly hôn với ông B.

Về con chung: Căn cứ vào lời trình bày của bà U và ông B, giấy khai sinh của người con được các đương sự thừa nhận và cung cấp trong hồ sơ vụ kiện, có cơ sở xác định quá trình sống chung bà U và ông B có 01 người con chung tên Huỳnh Ngọc T, sinh ngày 13/12/2021. Xét hiện tại người con chung đang ở với bà U và căn cứ Khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 việc chăm sóc nuôi dưỡng con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, ngoại trừ người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi hoặc có thỏa thuận khác. Mặt khác, ông B cũng đồng ý giao con chung cho bà U trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử có cơ sở giao con chung tên Huỳnh Ngọc T, sinh ngày 13/12/2021 cho bà U trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà U không yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

Nợ chung: Không có.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, đúng quy định.

Về án phí: Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015, bà U phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 21, Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 269, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84, 85 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1-/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà La Thanh U được ly hôn ông Huỳnh Vĩnh B.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Huỳnh Ngọc T, sinh ngày 13/12/2021.

Giao con chung tên Huỳnh Ngọc T, sinh ngày 13/12/2021 cho bà La Thanh U trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con bà U tự nguyện không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có

2-/ Về án phí: Bà La Thanh U phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà U đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0026002 ngày 24/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, bà U đã nộp đủ tiền án phí. Ông B không phải chịu án phí.

3-/ Quyền kháng cáo: Án sơ thẩm xét xử công khai đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án ND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ánh Nguyệt